

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 4 - 2022

V/v tranh chấp xin ly hôn và
giải quyết việc nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Bà Đinh Thị Phương Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Nam- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1983. Hộ khẩu thường trú: Số 174/17A, đường N, khu phố Đ, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: Khu phố C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H: Luật sư Dương Minh Biên- Văn phòng Luật sư Phạm Anh Vũ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Bị đơn: Ông Vũ Đình Đ, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày: Bà và ông Đ là vợ chồng hợp pháp, chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang ngày 08/9/2008. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, có hai con

chung là Vũ Thành Đạt, sinh ngày 02/8/2008 và Vũ Thành Đ, sinh ngày 03/12/2009. Tuy nhiên, từ tháng 10 năm 2019 thì cuộc sống của vợ chồng thường nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, cự cãi nhau ngày càng trầm trọng, kể từ đó bà và ông Đ sống ly thân, giữa bà và ông Đ thật sự không còn quan tâm, thương yêu và chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, bà nhận thấy không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đ để mỗi người có cuộc sống riêng, không ràng buộc nhau.

Về con chung: Kể từ khi vợ chồng bà sống ly thân (tháng 10 năm 2019), hai con chung sống với bà tại nhà mẹ ruột bà (bà Phạm Thị L, sinh năm 1964) ở Tổ 8, Khu phố C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang, thỉnh thoảng bà mới đưa các con về ở tại địa chỉ thường trú số nhà 174/17A đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Các con vẫn được bà cho đi học, đảm bảo điều kiện sống và sinh hoạt hàng ngày, công việc chính của bà là làm ruộng và thu gom hủi, thu nhập trung bình 20.000.000 đồng/tháng nên bà đảm bảo được việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con, do đó bà yêu cầu khi ly hôn bà được nuôi hai con và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Đ tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Vũ Đình Đ trình bày: Nguyên vào năm 2007, ông và bà H đi đến hôn nhân có sự chứng kiến của họ hàng thân tộc. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hòn Đất. Quá trình chung sống, ông bà có hai con chung như bà H trình bày. Sau một thời gian chung sống, giữa ông bà thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, Đ hình vào đầu năm 2019 ông bà cự cãi nhau và từ đó sống ly thân cho đến nay. Ông nhận thấy ông bà không thể sống với nhau được nữa nên ông chấp thuận ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về con chung, ông yêu cầu được nuôi cháu Vũ Thành Phát và đồng ý giao cháu Vũ Thành Đạt cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Ông yêu cầu được quyền thăm con và chăm lo cho con theo khả năng của ông, bà H không được ngăn cản ông.

Về tài sản chung và nợ chung, ông thống nhất ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà H và ông Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H trình bày:

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà H và ông Đ.

Về quyền nuôi con: Hai con của bà H, ông Đ hiện đang ở với bà H tại nhà mẹ ruột của bà H là bà Phạm Thị L. Bà L chỉ có bà H là con ruột duy nhất nên về nơi ở, bà H đảm bảo điều kiện nơi ở ổn định cho các con. Thực tế, kể từ khi bà H và ông Đ sống ly thân cho đến nay, bà H vẫn đảm bảo kinh tế và thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Các con có nguyện vọng muốn ở với bà H. Bản thân ông

Đ tuy có nguyện vọng nuôi cháu Phát nhưng vẫn mong muốn các con không bị chia rẽ nhau. Mặt khác, ông Đ cho rằng sau khi bán nhà ở tại Khu phố C (là nơi ở của vợ chồng trước đây), ông đã mua nhà khác và có công việc ổn định ở thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nhưng trong hồ sơ ông không cung cấp giấy tờ chứng minh và tại phiên tòa, ông cũng thừa nhận nhà ở chưa hoàn tất thủ tục sang tên ông. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao hai con cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên. Bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự (trễ hạn), cần rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận cho bà H ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung là cháu Vũ Thành Đạt, sinh ngày 02/8/2008 và cháu Vũ Thành Phát, sinh ngày 03/12/2009 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 06/4/2021, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, bao gồm:

Về tài sản chung, gồm: Căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tọa lạc tại Lô C09 – Căn 92, Dự án Khu đô thị mới lần biển Tây Bắc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, có giá trị gốc 1.179.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi chín ngàn đồng); Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 608147, thửa đất số: 112; 78-d, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.200m², tọa lạc tại ấp

Hòn Đất, xã Thổ Sơn, huyện H, tỉnh Kiên Giang, đã chỉnh lý đánh biên động sang tên bà Huỳnh Thị H ngày 18/02/2019, có giá trị khoảng 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Về nợ chung, gồm: Nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long – Phòng giao dịch Hòn Đất số tiền gốc 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh; Nợ Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang (CIC) số tiền mua căn nhà Tây Bắc còn thiếu khoảng 358.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tám triệu đồng); Nợ bà Phạm Thị L, nợ bà Lê Thị Nhung và nợ bà Phạm Thị Ngân, cùng địa chỉ ở Khu phố C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nợ mỗi người số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Ngoài các tài sản chung và nợ chung kê trên, bị đơn ông Đ còn yêu cầu Tòa án giải quyết các tài sản chung và nợ chung khác, nhưng ông không nộp đơn phản tố, bao gồm:

Về tài sản chung: Thừa đất sang nhượng của ông Nguyễn Văn Tòng, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích chiều ngang 13m x chiều dài 65m, tọa lạc tại ấp Hòn Quéo, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, có giá trị 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

Về những người thiếu nợ ông bà gồm: Bà Khuru Phương Quế, địa chỉ ở ấp Hòn Đất, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nợ ông bà số tiền 860.000.000 đồng (Tám trăm sáu mươi triệu đồng); Ông Danh Thi, địa chỉ ở ấp Hòn Sốc, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nợ ông bà số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và ông Huỳnh Văn Sáu, địa chỉ ở ấp Hòn Đất, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nợ ông bà số tiền 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng).

Về nợ chung: Nợ ông Vũ Đình Sơn, sinh năm 1979, nợ ông Trương Thế Bằng, sinh năm 1982 và nợ ông Nguyễn Thế Nghiệp, sinh năm 1979, cùng ở phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, mỗi người nợ số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Tuy nhiên, đến ngày 13/01/2022, nguyên đơn bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc giải quyết tài sản chung và nợ chung, bị đơn ông Đ không có yêu cầu phản tố, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, nên Tòa án đã ra Quyết định tách vụ án số 01/2022/QĐ-TVA ngày 14/01/2022 và đình chỉ giải quyết vụ án chia tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2022.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự chỉ yêu cầu giải quyết vấn đề hôn nhân và nuôi con chung, bị đơn có hộ khẩu thường trú ở thị trấn Hòn Đất, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và giải quyết việc nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Đ chung sống với nhau có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang ngày 08/9/2008, do đó hôn nhân giữa bà H và ông Đ là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù thời gian đầu bà và ông Đ chung sống với nhau hạnh phúc và có hai con chung là Vũ Thành Đạt, sinh ngày 02/8/2008 và Vũ Thành Đ, sinh ngày 03/12/2009, nhưng kể năm 2019, tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt, ông bà thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau, giữa bà và ông Đ thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung và sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Xét thấy giữa bà H và ông Đ không còn đời sống chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H không còn tình cảm vợ chồng với ông Đ, nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho bà H ly hôn với ông Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về quyền nuôi con chung: Hai con chung của ông bà là cháu Vũ Thành Đạt và cháu Vũ Thành Phát hiện nay đang sống cùng với bà H tại nhà mẹ ruột của bà H. Tuy bà H và các con hiện tại chưa có nhà riêng nhưng mẹ ruột bà H là bà Phạm Thị L chỉ có một mình bà H là con ruột, ngoài mẹ con bà H không còn ai chung sống tại nhà bà L, nên bà H và các con vẫn được đảm bảo chỗ ở ổn định, lâu dài. Bà H làm ruộng và thu gom hủi, có thu nhập ổn định trung bình 20.000.000 đồng/tháng, do đó có đủ điều kiện kinh tế và thời gian chăm sóc, nuôi dạy các con, các con có nguyện vọng muốn ở với bà H, xét nên căn cứ quy định tại Điều 81 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao hai con cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

Về yêu cầu của ông Đ được nhận nuôi cháu Phát, ông cho rằng bà H cũng làm nghề tự do như ông, bà H ở với mẹ ruột tuy trong nhà không còn ai, nhưng mẹ bà H đã già yếu, bà H không thể đảm bảo việc chăm sóc tốt cả mẹ và hai con, ông tuy không muốn hai con bị chia rẽ, mỗi đứa ở một nơi nhưng vì trong thời gian sống ly thân, bà H không tạo điều kiện cho ông được thăm nom, chăm sóc các con, nên ông yêu cầu được nuôi một cháu. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng nuôi con và thăm nom, chăm sóc các con của ông Đ là nguyện vọng chính đáng của một người cha, tuy nhiên hiện nay ông Đ đã chuyển nơi ở mới tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ông xác định đã mua nhà ở nhưng chưa hoàn tất thủ tục sang tên, việc thay đổi môi trường sống đột ngột sẽ làm ảnh hưởng tới sinh hoạt và việc học tập của các con, hơn nữa với thu nhập của ông từ nghề làm giò chả 8.000.000 đồng/tháng sẽ khó khăn trong việc nuôi con ăn học ở một môi trường đòi hỏi thu nhập cao hơn, trong khi hiện nay các con đang ở với bà H, bà H vẫn đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dạy các con, các con có nguyện vọng muốn ở với bà H xét nên giao hai con cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về quyền thăm nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung: Ông Đ được đảm bảo quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà H và các thành viên trong gia

đình không được cản trở ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Trường hợp ông Đ cho rằng ông bị ngăn cản không được thăm nom, chăm sóc, trò chuyện với các con thì ông có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền can thiệp hoặc quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi hai con.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử rút kinh nghiệm. Về ý kiến giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H.

- Về hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị H ly hôn với ông Vũ Đình Đ.

- Về nuôi con chung: Giao hai 02 con chung là cháu Vũ Thành Đạt, sinh ngày 02/8/2008 và cháu Vũ Thành Phát, sinh ngày 03/12/2009 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Ông Đ được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi hai con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền bà H đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003004 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà H được trả lại số tiền tạm ứng án phí nộp dư là 49.250.000 đồng (Bốn mươi chín triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND TT H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Thị Tuyết Mai